

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2026/HNGĐ-ST**
Ngày 02/04/2026
V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Bình,
- Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Tiểu Huỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 04 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 238/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Minh P, sinh năm 1998

Địa chỉ: Số F thôn N, xã D, tỉnh Lâm Đồng

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn T, sinh năm 1996

Địa chỉ: Xóm F, Đ, thôn T, phường T, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị P và anh T đều vắng mặt (chị P có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 20/8/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Minh P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Văn T sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường T, tỉnh Quảng Ngãi) vào ngày 09/03/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T cờ bạc, không có công việc ổn định, không hỗ trợ tài chính và chia sẻ trách nhiệm gia đình với chị P. Toàn bộ chi phí sinh hoạt và chăm sóc con cái là do chị gánh vác; cuộc sống hôn nhân thiếu tình cảm, thiếu tôn trọng

và chia sẻ. Chi Phần đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã ly thân từ ngày 30/04/2024 đến nay. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Võ Hoài B, sinh ngày 19/9/2021 (hiện đang ở với chị). Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Võ Văn T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Minh P.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đảm bảo đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Lê Minh P được ly hôn với anh Võ Văn T; Giao 01 con chung là cháu Võ Hoài B, sinh ngày 19/9/2021 cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Minh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn anh Võ Văn T. Trong vụ án này, bị đơn là anh Võ Văn T có địa chỉ nơi cư trú tại thôn T, phường T, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

[1.2] Nguyên đơn chị Lê Minh P vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Võ Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Minh P và anh Võ Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại xã T, thành phố Q năm 2021, là hôn nhân hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn*: Theo trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị P1 cho rằng, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T cờ bạc, không có công việc ổn định, không hỗ trợ tài chính và chia sẻ trách nhiệm gia đình với chị P1. Toàn bộ chi phí sinh hoạt và chăm sóc con cái là do chị gánh vác; cuộc sống hôn nhân thiếu tình cảm, thiếu tôn trọng và chia sẻ. Chị Phấn đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã ly thân từ ngày 30/04/2024 đến nay. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã khuyên bảo, động viên chị P1 trở về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị P1 vẫn cương quyết ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn đối với bị đơn anh Võ Văn T đã Tòa án đã triệu tập nhiều lần đến làm việc, để có cơ hội hòa giải đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến cũng không đến phiên tòa để trình bày ý kiến về việc đồng ý hay không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của chị P1, điều đó chứng tỏ anh T đã bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của chính mình. Do vậy, Tòa án căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và những tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91, 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đó là: Mâu thuẫn giữa chị P1 và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị P1.

[2.3] *Về con chung*: Chị P1 và anh T có 01 con chung tên Võ Hoài B, sinh ngày 19/9/2021, hiện cháu B đang được chị P1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị P1 yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu B và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh T không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P1 về phần nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đều cũng phải đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu. Hiện cháu B còn nhỏ đang ở với chị P1, môi trường sống, nhu cầu sinh hoạt và học tập của cháu đang ổn định nếu thay đổi người nuôi sẽ làm sáo trộn môi trường sống và tinh thần của cháu. Chị P1 có công việc làm thu nhập, chỗ ở ổn định đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục cháu B. Ngoài ra, anh T cũng không có ý kiến gì phản đối về yêu cầu nuôi con của chị P1. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P1 về phần nuôi con chung; căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Võ Hoài B cho chị Lê Minh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị Lê Minh P phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Minh P. Chị Lê Minh P được ly hôn anh Võ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Hoài B, sinh ngày 19/9/2021 cho chị Lê Minh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở; đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Minh P phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002044 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 1- Quảng Ngãi;
- UBND phường Trương Quang Trọng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Văn Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bình Nguyễn Thị Anh Thư

Nguyễn Văn Thu